

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2023/HS-ST

Ngày: 19-12-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Quốc Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ái Hòa;
2. Ông Ngô Minh Lý.

Thư ký phiên tòa: bà Bùi Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Hồng Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 71/2023/HSST ngày 17 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2023/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2023 và Thông báo hoãn phiên tòa số 03/2023/TB-TA ngày 06 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

Phạm Văn Chí L, sinh năm 1999, tại tỉnh Đồng Tháp. Nơi đăng ký HKTT: **ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp**; chỗ ở hiện nay: **khu phố S, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh**; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Phạm Văn L1** và bà **Lư Thị K**; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 29/9/2023, tạm giam ngày 05/10/2023 cho đến nay.
(có mặt)

Bị hại: ông **Võ Minh C**, sinh năm 1968; địa chỉ: **ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang**. (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: chị Nguyễn Thị Kiều P, sinh năm 1996; địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tây Ninh. (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn Chí L là công nhân của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ, khu chế xuất L III thuộc khu phố S, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Khoảng 07 giờ 30 phút, ngày 27/9/2023, L đến công ty làm việc thì nhận được phiếu giữ xe của công nhân đánh rơi, lúc này L nảy sinh ý định dùng phiếu giữ xe để chiếm đoạt xe mô tô của người khác nên cất giữ. Đến khoảng 19 giờ 30 phút ngày 28/9/2023, L đến nhà giữ xe của công ty nhìn thấy xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, loại Raider, màu xanh bạc đen, biển số 70D1-705.61 của chị Nguyễn Thị Kiều P có giá trị cao nên L dùng thanh đoản bằng kim loại tự chế bẻ khóa, nổ máy chạy ra cổng công ty và dùng phiếu giữ xe nhận được đưa cho ông Võ Minh C là bảo vệ do Công ty Đ thuê của Công ty trách nhiệm hữu hạn D. Sau đó, ông C yêu cầu kiểm tra cốp xe thì L nói dối là cốp xe bị hư nên không mở được nên ông C cho qua. Sau khi lấy được xe ra ngoài, L điều khiển xe đến khu vực huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh gặp người thanh niên tên “H” (không rõ địa chỉ) lấy biển số 66B1-214.72 gắn vào xe mô tô vừa chiếm đoạt được và điều khiển xe về phòng trọ số 9, nhà trọ Nguyễn Văn T ngụ khu phố S, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh cất giấu. Qua xác minh, ngày 29/9/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T tiến hành bắt khẩn cấp đối với L và thu giữ vật chứng.

Kết luận định giá số 65/KL-HĐĐGTS ngày 04/10/2023 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thị xã T, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, loại Raider, màu xanh bạc đen, biển số 70D1-705.61, dung tích xi lanh 147,3cm³, số máy: CGA1556047, số khung: RLSDL11ANMV156212 có trị giá 25.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 78/CT-VKSTrB ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đã truy tố bị cáo Phạm Văn Chí L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng trong phần tranh luận đã giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo L về tội danh trên, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo L từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Xét thấy bị cáo không có tài sản riêng, không có thu nhập ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: ghi nhận bị hại **Võ Minh C** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Nguyễn Thị Kiều P** đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì khác đối với bị cáo **L**.

Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Về bào chữa: bị cáo **L** thống nhất với Cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát, không có ý kiến bào chữa cho mình.

Về nói lời nói sau cùng: bị cáo **L** xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: bị hại **Võ Minh C** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Nguyễn Thị Kiều P** vắng mặt tại phiên tòa nhưng lời khai của những người này đã có đầy đủ trong hồ sơ, việc xét xử vắng mặt bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên bị cáo và đại diện Viện kiểm sát đề nghị xét xử vắng mặt họ. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an thị xã T**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không và người có quyền, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh: Trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa, bị cáo **L** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình giống như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Xét lời khai nhận của bị cáo phù hợp với biên bản xác minh vụ việc, vật chứng, kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã chứng minh được như sau: vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 28/9/2023, tại **Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ**, **khu chế xuất L** III thuộc **khu phố S**, phường A, thị

xã T, tỉnh Tây Ninh, Phạm Văn Chí L nhặt được thẻ gửi xe mô tô của chị Nguyễn Thị Kiều P đánh rơi và xe đang do ông Võ Minh C là bảo vệ trông coi xe. Do có ý định muốn chiếm đoạt xe mô tô do ông C trông coi nên L đã mang theo đoàn bê khóa xe chạy ra cổng nơi ông C kiểm tra và đưa thẻ xe mà L nhặt được cho ông C và ông C yêu cầu kiểm tra cốp xe thì L nói dối với ông C là cốp xe bị hư nên mở không được. Do ông C tin tưởng lời nói dối của L, thiếu kiểm tra xe kỹ lưỡng nên cho L lấy xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, loại Raider, màu xanh bạc đen, biển số 70D1-705.61 trị giá 25.000.000 đồng của chị P do ông Võ Minh C quản lý, trông coi.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phạm Văn Chí L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết giảm nhẹ: trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, xét thấy bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự sẽ được Hội đồng xét xử xem xét khi áp dụng hình phạt đối với bị cáo.

- Về tình tiết tăng nặng: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tính chất của hành vi phạm tội và hình phạt:

Vụ án mang tính chất ít nghiêm trọng, nhưng hành vi của bị cáo L là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện.

Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét thấy bị cáo không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về biện pháp tư pháp: Căn cứ các Điều 46 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xử lý vật chứng như sau:

- Về trách nhiệm dân sự: ghi nhận ông C và chị P đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì khác đối với bị cáo L.

- Về vật chứng:

+ Đối với biển số xe 66B1-214.72 là của xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha, màu bạc trắng đen, số máy HC12E5452467, số khung RLHHC1219DY452994 do ông Nguyễn Văn P1, sinh năm 1981, ngụ ấp C, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp đứng tên đăng ký chủ sở hữu phương tiện năm 2014, ông P1 sử dụng xe mô tô biển số 66B1-214.72 đến năm 2018 thì bán lại cho người khác không rõ họ tên, địa chỉ, không có làm giấy tờ mua bán nên chưa xác minh làm rõ được nguồn gốc chủ sở hữu. Do đó, chuyển biển số xe này lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra xác minh, làm rõ xử lý sau;

+ 01 quần vải màu đen sọc trắng; 01 áo khoác vải dài tay màu đen, là vật chứng của vụ án nhưng không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[5] Về án phí: bị cáo Phạm Văn Chí L phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đối với người tên “H” mà L khai đã đưa biển số xe 66B1-214.72 cho L, hiện không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể nên chưa làm việc được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T sẽ tiếp tục làm rõ, xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn Chí L 09 (Chín) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 29/9/2023.

2. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Về trách nhiệm dân sự: ghi nhận ông C và chị P đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì khác đối với bị cáo.

- Về vật chứng:

+ Chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T 01 biển số xe 66B1-214.72;

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 quần vải màu đen sọc trắng; 01 áo khoác vải dài tay màu đen.

3. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm

2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bị cáo **L** phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc H1